

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/DSST

Ngày: 14-9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Ngọc Hương

2/ Ông Đinh Văn Liêm

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Nữ Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Minh P, sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1970

Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2020, bản tự khai ngày 11/02/2020, ngày 03/3/2020, biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2020, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh P trình bày:

Vào năm 2011 bà có cho bà L vay số tiền 40.000.000 đồng để làm ăn, việc vay mượn không tính lãi, không thể hiện thời gian trả, chỉ thể hiện việc trả góp theo ngày. Bà L viết và ký vào giấy mượn tiền và ký luôn chữ ký của ông H vì bà L nhân

danh vợ chồng cùng vay mượn nên ký không chữ ký của ông H. Sau Tết nguyên đán năm 2012 vào khoảng tháng Giêng bà P có đến nhà bà L đòi thì bà L có hứa trả, sau đó nhiều lần liên tục đòi và lần đòi nợ gần nhất là cuối năm 2019 bà P có đến nhà bà L đòi nhưng bà L thách thức không trả. Nay bà yêu cầu Toà giải quyết buộc bà L trả một lần số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập họp L nhiều lần nhưng ông H, bà L không đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu của mình.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa và các phiên hòa giải.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả nợ vay cho bà P 40.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Minh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L trả nợ do vi phạm hợp đồng vay tài sản. Yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo qui định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập họp L để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp: Ngày 27/12/2011, bà P cho bà L vay 40.000.000 đồng với hình thức trả góp theo ngày, đến khoảng tháng Giêng năm 2012 bà P yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L không trả, sau đó bà P liên tục đòi và lần cuối cùng bà P đòi nợ vào cuối năm 2019 nhưng bà L cố tình không trả tiền vay cho bà P. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trong giao dịch dân sự giữa bà P và bà L là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, tuy nhiên giao dịch dân sự đang được thực hiện có nội dung và hình

thức của phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết tranh chấp theo quy định Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 27/12/2011 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Bà P có cho vợ chồng bà L, ông H vay số tiền 40.000.000 đồng, giấy mượn tiền không thể hiện về thời hạn vay và không thể hiện lãi. Trong hợp đồng vay có chữ ký của ông H, tuy nhiên theo lời trình bày của bà P thì tại thời điểm bà L vay không có mặt ông H chồng bà L, bà L nhân danh vợ chồng cùng vay để về mua hàng hóa bán trong Tết nên bà L đã ký không chữ ký của ông H vào giấy mượn tiền, bà P cũng không rõ bà L đã dùng số tiền vay mượn vào mục đích gì, việc bà L giả chữ ký của ông H trên giấy mượn tiền không làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông H với bà P và cũng không làm thay đổi bản chất giao dịch vay tiền của bà L đối với bà P. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có lãi, không xác định thời hạn, các bên thỏa thuận hình thức trả góp nếu bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật, do đó việc bà P yêu cầu bà L phải trả nợ là có căn cứ.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Sau khi bà P đưa tiền cho bà L vay trả góp theo ngày thì bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, sau Tết nguyên đán năm 2012 đến cuối năm 2019 bà P đã nhiều lần liên tục đến gặp bà L đòi nợ nhưng bà L cố tình không trả, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh P yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả một lần cho bà số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập họp L nhiều lần nhưng ông H, bà L không đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu của mình và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, do đó việc bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải trả cho bà P số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của bà P được Tòa án chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$40.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.000.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh P.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho bà Huỳnh Thị Minh P 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Minh P 1.803.288 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000821 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

3/ *Quy định*: Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Minh P có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị Mỹ L chưa thi hành xong khoản tiền phải trả cho bà Huỳnh Thị Minh P. Hàng tháng, bà Nguyễn Thị Mỹ L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Huỳnh Thị Minh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Đình H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Huy